TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B **THÀNH PHỐ M**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 554/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận B, ngày 08 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B – THÀNH PHỐ M

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 343/2023/HNST ngày 13 tháng 06 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Đ, sinh năm 1990;

- Bà Trương A, sinh năm 1988;

Cùng thường trú: Số G, đường số M, Tổ N, Khu phố P, phường Q, Quận B, Thành phố M; Cùng tạm trú: Số D, Tổ H, đường số J, Khu phố Q, phường E, Quận F, Thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Người yêu cầu cư trú tại Quận B và có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, căn cứ Khoản 2 Điều 29, Điều 35; Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B Thành phố M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương A và ông Phạm Đ xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 06, đăng ký ngày 02/03/2016 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố M). Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống bà Trương A và ông Phạm Đ có phát sinh mâu thuẫn, cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Trương A và ông Phạm Đ thật sự không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 95/2018 đăng ký ngày 19/3/2018 tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận B, Thành phố M cùng với lời trình bày của các được sự xác nhận bà Trương A và ông Phạm Đ có 01(một) con chung, họ và tên Hồ A(nữ) sinh ngày 14/02/2018.

Sau khi ly hôn ông, bà thống nhất thỏa thuận: Giao con chung cho bà Trương A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Trương A không yêu cầu ông Phạm Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyên thỏa thuận của các đương sự nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xét .

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xét.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương A và ông Phạm Đ thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 170/2017 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận B, Thành phố M vào ngày 25/12/2017).

1.2 Về con chung: Bà Trương A và ông Phạm Đ xác nhận có 01 (một) con chung họ và tên Hồ A (nữ) sinh ngày 14/02/2018.

Sau khi ly hôn bà Trương A và ông Phạm Đ thống nhất thỏa thuận giao con chung họ và tên Hồ A (nữ) sinh ngày 14/02/2018 cho bà Trương A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Trương A không yêu cầu ông Phạm Đ cấp dưỡng nuôi con chung

Ông Phạm Đ được quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Không có.

1.4 Về nợ chung: Không có.

1.5 Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2021/0015949 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố M. Các đương sự đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.M;
- VKSND QB;
- Chi cục THADS QB;
- UBND phường H, Quận B, Thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK.M).

THẨM PHÁN

Nguyễn Chí Hiếu